

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Trình độ cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYD ngày tháng 02 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DHY.

3. Địa chỉ các trụ sở: 06 Ngô Quyền, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://huemed-univ.edu.vn>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

Quy chế tuyển sinh:

https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/News/Detail/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023-cua-dai-hoc-hue_20230329075213

https://qldh.hueuni.edu.vn/data/kyso/2025/7/QD_dieu_chinh_QD623_sua_doi_quy_che_TS_DHH1111.pdf

Thông tin tuyển sinh:

<https://huemed-univ.edu.vn/thong-bao/phong-dao-tao-dai-hoc/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

- Đại học Huế: 0234.3825866.

- Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3822173.

- Phòng Đào tạo đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: 0234.3883867.

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://huemed-univ.edu.vn/cong-khai-thong-tin>

<https://huemed-univ.edu.vn/dao-tao/dai-hoc-1>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

1.2. Người dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển học bạ năm cuối THPT.

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức 1 - Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = tổng điểm các bài thi/môn thi (a) + điểm ưu tiên (b)

(a) = điểm bài thi/môn thi 1 + điểm bài thi/môn thi 2 + điểm bài thi/môn thi 3

(b) = điểm ưu tiên đối tượng, khu vực

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số). Tổng điểm ưu tiên được tính theo quy định của Bộ GDĐT.

3.2. Phương thức 2 - Xét tuyển học bạ năm cuối THPT.

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các môn học năm lớp 12 theo thang điểm 10 đối với từng môn học của tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = tổng điểm các môn học (a) + điểm ưu tiên (b)

(a) = điểm môn học 1 + điểm môn học 2 + điểm môn học 3

(b) = điểm ưu tiên đối tượng, khu vực

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 môn học (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn học (không nhân hệ số). Tổng điểm ưu tiên được tính theo quy định của Bộ GDĐT.

3.3. Phương thức 3 - Xét tuyển thẳng thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Số lượng tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (700)	Phương thức tuyển sinh
I	Khối ngành sức khỏe					
1	6720301	Điều dưỡng	6720301	Điều dưỡng	300	- Phương thức 1 Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và Phương thức 2 Xét tuyển học bạ năm cuối THPT: Điểm trung bình năm của ba môn trong các môn học đánh giá bằng điểm số sau: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học.
2	6720303	Hộ sinh	6720303	Hộ sinh	50	
3	6720602	Kỹ thuật xét nghiệm	6720602	Kỹ thuật xét nghiệm	50	
4	6720201	Dược	6720201	Dược	200	
5	6720102	Y học cổ truyền	6720102	Y học cổ truyền	50	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (700)	Phương thức tuyển sinh
II	Khối ngành Dịch vụ thẩm mỹ					- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng.
6	6810404	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	Chăm sóc sắc đẹp	50	
	TỔNG CỘNG				700	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

Điểm ngưỡng đầu vào khối ngành sức khỏe có trung bình cộng của mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu là 5.0 trở lên.

Trường hợp số lượng thí sinh dự tuyển vượt số lượng tuyển sinh, Nhà trường sẽ xét điểm từ cao xuống thấp.

6. Tổ chức tuyển sinh

Thí sinh chọn đăng ký theo một trong các cách thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.
- Gửi qua đường chuyển phát nhanh (Phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền - phường Thuận Hóa - thành phố Huế).
- Đăng ký trực tuyến tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường.
- Ngoài ra, thí sinh có thể đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>.

Hồ sơ dự tuyển

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Nhà trường.
- Bản sao công chứng: Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)/Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời năm 2026; Học bạ THPT (hoặc tương đương);
- * *Thí sinh đăng ký Online sẽ nộp hồ sơ khi trúng tuyển và làm thủ tục nhập học, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đăng ký.*

7. Chính sách ưu tiên

Theo Quy định hiện hành.

Trong trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định mới, việc thực hiện sẽ tuân theo quy định mới được ban hành.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Do Bộ GDĐT và Đại học Huế quy định.

- Miễn phí cho các thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến tại cổng thông tin tuyển sinh của trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Nhà trường sẽ xem xét giải quyết mọi trường hợp khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh theo các quy định hiện hành.

- Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin đăng ký dự tuyển. Nếu phát hiện sai sót, Nhà trường sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Học phí

- Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Giảm 70% học phí theo Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng có hiệu lực từ 30/7/2023, cụ thể là các ngành Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh và Kỹ thuật xét nghiệm y học.

10.2. Học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT)

- Trung bình mỗi năm học Nhà trường xét cấp HBKKHT cho khoảng gần 200 học sinh sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện từ loại giỏi trở lên với kinh phí hơn 2 tỷ đồng. Quỹ HBKKHT được bố trí tối thiểu 08% từ nguồn thu học phí của sinh viên.

10.3. Các chế độ chính sách khác

Thực hiện chế độ chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, sinh viên được hưởng học bổng chính sách, các khoản hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán và hỗ trợ đi lại. Năm 2025, Nhà trường đã thực hiện chi trả cho 34 sinh viên theo chế độ này.

11. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển (Thang điểm 10)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển (Thang điểm 10)	
1	6720301	Điều dưỡng*	6720301	Điều dưỡng	- PT1: Xét tuyển dựa trên điểm học bạ năm cuối THPT - PT2: Tuyển thẳng.	315	251		315	435		
2	6720303	Hộ sinh*	6720303	Hộ sinh		70	10		70	13		
3	6720602	Kỹ thuật xét nghiệm	6720602	Kỹ thuật xét nghiệm		70	23		70	56		
4	6720201	Dược	6720201	Dược		350	196		350	208		
5	6720102	Y học cổ truyền	6720102	Y học cổ truyền		0	0		70	53		
6	6810404	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	Chăm sóc sắc đẹp		100	28		100	40		

Ghi chú: (*) Linh hoạt quy mô tuyển sinh/năm giữa các ngành, nghề, trình độ đào tạo trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III (Điều dưỡng và Hộ sinh) (theo CV số 1046/TCGDNN-PCTT ngày 01/6/2022 Tổng cục GDNN)